

UBND HUYỆN GIA LÂM
TRƯỜNG TIỂU HỌC KIÊU KỲ



SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM, GIẢI PHÁP
MỘT SỐ GIẢI PHÁP GIÚP HỌC SINH LỚP 4
HỌC TỐT PHẦN PHÂN SỐ

Lĩnh vực/ Môn : Toán

Cấp học : Tiểu học

Tác giả : Lê Thị Thanh Tươi

Đơn vị công tác: Trường Tiểu học Kiêu Kỳ

Chức vụ : Giáo viên

Năm học 2021 - 2022

MỤC LỤC

TT	NỘI DUNG	TRANG
1	I. ĐẶT VẤN ĐỀ 1. Vị trí, tầm quan trọng của môn Toán ở Tiểu học 2. Thời gian, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu 3. Các phương pháp nghiên cứu	1 1 2
2	II. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ 1. Cơ sở lí luận 2. Cơ sở thực tiễn 3. Thực trạng việc dạy - học Toán của giáo viên và học sinh Tiểu học 3.1. Thuận lợi 3.2. Khó khăn 4. Các giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học chương phân số. 4.1. Giải pháp 1: Giúp học sinh rút gọn phân số: 4.2. Giải pháp 2: Giúp học sinh so sánh phân số với phân số, phân số với số tự nhiên 4.3. Giải pháp 3: Giúp học sinh thực hiện bốn phép tính về phân số 5. Hiệu quả của các giải pháp trong thực tiễn giảng dạy Toán phân phân số lớp 4	3 3 3 4 4 4 5 5 6 9 15
3	III. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ 1. Kết luận 2. Khuyến nghị	16 16 16
4	IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO (PHỤ LỤC – BẢNG SỐ LIỆU MINH HỌA).	

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Vị trí, tầm quan trọng của môn Toán ở Tiểu học

Môn Toán là môn khoa học được học xuyên suốt ở các cấp học, bậc học. Nó được vận dụng để tính toán, phân tích trong các môn học khác của quá trình học. Cùng với Tiếng Việt, môn Toán là môn học có vị trí và vai trò vô cùng quan trọng, nó không chỉ giúp học sinh lĩnh hội được các kiến thức, rèn được các kỹ năng tính toán mà còn giúp học sinh phát triển năng lực tư duy logic, phương pháp suy luận, phát triển trí thông minh, tính sáng tạo, óc tưởng tượng... góp phần hình thành nhân cách, phẩm chất của con người lao động một cách toàn diện. Các kiến thức kỹ năng trong môn Toán rất cần thiết trong cuộc sống hằng ngày, là công cụ giúp học sinh học các môn học khác và tiếp tục học lên các lớp trên.

Thực tế trong những năm gần đây, qua các đợt kiểm tra định kì, kết quả học lực Hoàn thành tốt môn Toán của học sinh từ khối 1 đến khối 3 chiếm tỉ lệ cao hơn khối lớp 4. Bắt đầu lên lớp 4, kiến thức toán được nâng lên nhiều ở tất cả các mạch kiến thức, đặc biệt là kiến thức về phân số. Là giáo viên chủ nhiệm lớp 4 nhiều năm, tôi nhận thấy học sinh học toán còn lúng túng nhiều ở mạch kiến thức về phân phân số. Chính vì vậy tôi đã lựa chọn nghiên cứu, tìm hiểu và đưa ra “*Một số giải pháp giúp học sinh lớp 4 học tốt phần phân số*” nhằm giúp các em nắm kiến thức một cách có hệ thống các dạng toán về phân số để học tốt mạch kiến thức này, đồng thời nâng cao chất lượng môn Toán để đồng nghiệp cùng tham khảo.

2. Thời gian, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu

2.1. Thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu và áp dụng sáng kiến qua 2 năm học: 2020 - 2021 và năm học 2021 - 2022

2.2. Mục đích nghiên cứu

- Đánh giá thực trạng dạy và học phần phân số lớp 4 ở trường Tiểu học Kiều Kỳ từ đó đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học phân số, tạo nền tảng vững chắc cho các em học tốt môn Toán ở lớp 4 và các lớp học trên.

- Giúp cho học sinh nắm bắt những nội dung kiến thức cơ bản các dạng toán về phân số một cách chủ động.

- Học sinh có được kỹ năng tư duy trong cách làm các dạng toán về phân số thành thạo, chính xác để vận dụng thiết thực trong cuộc sống, góp phần giúp các em rèn luyện phương pháp học tập hiệu quả hơn.

2.3. Đối tượng nghiên cứu

Học sinh lớp 4 trường Tiểu học Kiều Ky nói chung, đặc biệt là học sinh lớp 4B do tôi chủ nhiệm nói riêng.

2.4. Phạm vi nghiên cứu:

Chương phân số lớp 4 và hướng dẫn học sinh lớp 4 giải các dạng toán về phân số như: Rút gọn phân số, so sánh phân số và thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia phân số...

3. Các phương pháp nghiên cứu

Khi nghiên cứu đề tài này tôi đã sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp điều tra, nghiên cứu chương trình, nội dung môn Toán.
 - Phương pháp nghiên cứu tài liệu.
 - Phương pháp nghiên cứu lý thuyết.
 - Phương pháp khảo sát thực tế.
 - Phương pháp thực nghiệm.
 - Phương pháp tổng kết rút kinh nghiệm.
-

II. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

1. Cơ sở lý luận

Trong các môn học ở bậc tiểu học, môn Toán có vị trí rất quan trọng. Toán học với tư cách là môn khoa học nghiên cứu một số mặt của thế giới khách quan, có một hệ thống kiến thức cơ bản và phương pháp nhận thức rất cần thiết cho đời sống, sinh hoạt và lao động hằng ngày của mỗi cá nhân. Toán học góp phần phát triển trí thông minh, cách suy nghĩ độc lập, tư duy lôgic, khả năng ứng xử và giải quyết vấn đề nảy sinh trong cuộc sống hằng ngày. Ngoài ra, nó còn bồi dưỡng và phát triển trí tuệ cần thiết để nhận thức thế giới khách quan như: trừu tượng hoá, khái quát hoá, phân tích tổng hợp, góp phần vào giáo dục ý chí, đức tính cần cù, ý thức vượt khó, của học sinh Tiểu học.

Đặc điểm của môn toán mang tính trừu tượng, khái quát cao, nhưng đối tượng toán học lại mang tính thực tiễn. Phương pháp dạy học toán được xem xét trên quan điểm thừa nhận thực tiễn là nguồn gốc của sự nhận thức và là tiêu chuẩn của tâm lý. Vì nhận thức của học sinh giai đoạn này, cảm giác và tri giác của các em đã đi vào những cái tổng thể, trọn vẹn của sự vật hiện tượng, đã biết suy luận và phân tích. Nhưng tri giác của các em còn gắn liền với hành động trực quan nhiều hơn, tri giác về không gian trừu tượng còn hạn chế. Sự phát triển tư duy, tưởng tượng của các em còn phụ thuộc vào vật mẫu, hình mẫu. Quá trình ghi nhớ còn phụ thuộc vào đặc điểm lứa tuổi, ghi nhớ máy móc còn chiếm phần nhiều so với ghi nhớ lôgic.

Dựa vào đặc điểm nhận thức của học sinh tiểu học mà trong quá trình dạy học phải làm cho những tri thức khoa học xuất hiện như một đối tượng, kích thích sự tò mò, sáng tạo....cho hoạt động khám phá của học sinh, rèn luyện và phát triển khả năng tư duy linh hoạt sáng tạo, khả năng tự phát hiện, tự giải quyết vấn đề, khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống thực tiễn của học sinh. Chính vì vậy trong quá trình dạy học toán ở Tiểu học giáo viên cần lưu ý:

- Phải tổ chức hướng dẫn học sinh vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào cuộc sống hàng ngày cũng như các môn học khác.
- Phải nắm được mối quan hệ giữa toán học thực tế, giữa số học và hình học. Tổ chức các hoạt động thực hành có nội dung gắn liền với thực tế để học sinh nhận thức đúng những ứng dụng của toán học.

2. Cơ sở thực tiễn

Trong chương trình học hiện nay, môn Toán chiếm một thời lượng rất đáng kể (Mỗi tuần có 5 tiết). Chương trình Toán 4 mới là sự kế thừa và phát triển cao hơn của chương trình Toán lớp 1,2,3 và làm nền tảng cho việc học sau này ở

các cấp trên. Chương “Phân số” trong chương trình Toán 4, là mảng kiến thức khá trừu tượng đối với đặc điểm tâm lý của trẻ ở Tiểu học. Các em ghi nhớ còn máy móc, mau nhớ nhưng cũng chóng quên. Hơn nữa một số em chưa nắm chắc các kiến thức, kỹ năng về phân số nên việc vận dụng để rút gọn, so sánh và cộng, trừ, nhân, chia phân số, kết hợp giải các bài toán về bốn phép tính với phân số còn gặp rất nhiều khó khăn. Khi xác định số tự nhiên lớn nhất cùng chia hết cho cả tử số và mẫu số của một phân số để sau khi rút gọn được phân số tối giản các em còn lúng túng. Khả năng vận dụng dấu hiệu chia hết của số tự nhiên để rút gọn phân số, nhất là đối với những phân số có mẫu số lớn chưa tốt. Khi so sánh phân số, học sinh hay nhầm trường hợp so sánh các phân số có cùng tử số. Việc thực hiện các phép tính giữa phân số với phân số, giữa phân số với số tự nhiên còn nhiều nhầm lẫn...

Chính vì vậy mà tôi đã mạnh dạn đưa ra “*Một số giải pháp giúp học sinh lớp 4 học tốt phần phân số*” nhằm hạn chế, khắc phục những vấn đề nêu trên.

3. Thực trạng việc dạy và học chương phân số của giáo viên và học sinh trường Tiểu học Kiều Ky.

Qua quá trình giảng dạy, qua dự giờ thăm lớp đồng nghiệp cùng với việc tìm hiểu nghiên cứu sách giáo khoa, bài soạn, tôi thấy thực trạng của việc dạy – học nội dung phần phân số của lớp 4 có những thuận lợi và khó khăn sau:

3.1. Thuận lợi

- Ban Giám hiệu nhà trường luôn quan tâm đến việc giảng dạy của giáo viên và việc học tập của học sinh, thường xuyên mở các chuyên đề để giáo viên được học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.

- Đội ngũ giáo viên trẻ, nhiệt tình, có kiến thức chuyên môn vững vàng, năng động và sáng tạo.

- Học sinh ngoan, vâng lời thầy cô giáo. Các em có đủ sách giáo khoa và đồ dùng học tập.

- Công nghệ thông tin hiện đại, học sinh được tiếp cận nhiều cái mới.

3.2. Khó khăn

a) Về phía giáo viên

Một số giáo viên trẻ mới ra trường, kinh nghiệm sư phạm chưa nhiều nên nhận thức về vị trí, tầm quan trọng của các dạng toán với phân số chưa đầy đủ. Cách cách khai thác xây dựng bài mới trong chương trình chưa thật triệt để. Từ đó dẫn đến tình trạng dạy học chưa trọng tâm, kiến thức còn dàn trải.

b) Về phía học sinh

- Trình độ nhận thức của học sinh không đồng đều.

- Trong quá trình học tập các em chưa thật tập trung cho việc học, trí nhớ

thiếu bền vững nên phần nào kiến thức, kĩ năng đạt được chưa thật chắc.

- Học sinh chưa nắm chắc các kiến thức phân phân số.
- Một số em còn chủ quan, chưa đọc kĩ đầu bài.

Vì vậy mỗi khi chấm bài của các em, tôi luôn băn khoăn trăn trở, suy nghĩ làm sao giúp các em học tốt môn toán, nhất là các dạng toán về phân số.

Tôi đã tìm tòi nghiên cứu, tìm hiểu nhiều tài liệu và đưa ra phương pháp dạy các dạng toán về phân số cho học sinh lớp tôi, góp phần nâng cao chất lượng môn Toán.

4. Các giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học chương phân số

Từ những khó khăn mắc phải trong quá trình dạy học tôi đã đúc rút ra được một số kinh nghiệm và giải pháp khắc phục những khó khăn trên, giúp học sinh học tốt hơn phần phân số ở Toán 4.

4.1. Giải pháp 1: Giúp học sinh rút gọn phân số

Trong quá trình giảng dạy giáo viên rút ra một số kiến thức cần ghi nhớ ở mỗi phần của bài học. Nắm rõ mục tiêu yêu cầu của bài, từ đó hướng dẫn các em thực hiện tốt yêu cầu của bài tập thực hành hay luyện tập theo chuẩn kiến thức kĩ năng.

- Khi dạy ở phần toán này tôi đã rút ra được một số lỗi mà học sinh hay mắc như rút gọn phân số các em chưa đưa về phân số tối giản.

Ví dụ : Rút gọn phân số sau: a) $\frac{12}{8} = \frac{12:2}{8:2} = \frac{6}{4}$ Chưa tối giản.

$$\text{b) } \frac{15}{5} = \frac{15:3}{5:3} = \frac{5}{1}$$

*** Nguyên nhân**

Do các em chủ quan, nên khi gặp yêu cầu rút gọn phân số thì các em chỉ cần rút gọn được phân số đó là được, không quan tâm xem phân số đó đã được rút gọn tối giản hay chưa. Mặt khác, các em chưa nắm chắc bảng nhân, chia, các dấu hiệu chia hết nên khi rút gọn còn gặp nhiều lúng túng. Ngoài ra, các em chưa nắm vững các kiến thức về cấu tạo của phân số để áp dụng có hiệu quả vào việc làm toán.

*** Cách khắc phục**

- Yêu cầu học sinh học thuộc và ứng dụng tốt bảng nhân chia trong quá trình học tập, kiểm tra thường xuyên có chấn chỉnh kịp thời.

- Trong quá trình dạy học giáo viên cần nhấn mạnh những nội dung cần ghi nhớ về cấu tạo phân số nhất là kiến thức rút gọn phân số. Cụ thể là:

+ Thương của phép chia số tự nhiên cho số tự nhiên (khác 0) có thể viết thành phân số, tử số là số bị chia, mẫu số là số chia. $a : b = \frac{a}{b}$ (với $b \neq 0$).

Trong đó mẫu số b chỉ số phần bằng nhau được chia ra từ một đơn vị, tử số a chỉ số phần lấy đi (hoặc số phần tô màu).

+ Mỗi số tự nhiên có thể viết thành phân số với mẫu số là 1 $\rightarrow a = \frac{a}{1}$

+ Phân số nào có tử số nhỏ hơn mẫu số thì nhỏ hơn 1; phân số nào có tử số lớn hơn mẫu số thì lớn hơn 1, phân số nào có tử số bằng mẫu số thì bằng 1.

+ Nếu nhân (hoặc chia) cả tử số và mẫu số của một phân số với (cho) một số tự nhiên khác 0 thì được phân số bằng phân số đã cho.

$$\frac{a \times n}{b \times n} = \frac{a}{b} (n \neq 0) ; \quad \frac{a : m}{b : m} = \frac{a}{b} (m \neq 0) \text{ (gọi là rút gọn phân số).}$$

+ Nếu cộng (hoặc trừ) cả tử số và mẫu số của một phân số với cùng một số tự nhiên khác 0 thì hiệu giữa mẫu số và tử số không thay đổi. (phân số < 1)

- Ngoài ra trong quá trình hướng dẫn học sinh làm bài tập, giáo viên có thể lưu ý học sinh một số nhận xét để xét xem phân số đó đã *tối giản* hay chưa bằng các cách sau:

+ Phân số có tử số và mẫu số là 2 số tự nhiên liên tiếp.

+ Phân số có tử số và mẫu số là 2 số tự nhiên lẻ liên tiếp.

- Từ các kiến thức trên: GV gợi ý thêm để học sinh rút gọn phân số (a) trên cho tới khi tối giản :

Ví dụ: $\frac{12}{8} = \frac{12 : 2}{8 : 2} = \frac{6}{4} = \frac{6 : 2}{4 : 2} = \frac{3}{2}$

Sau đó gợi ý cho học sinh thấy được từ 2 lần rút gọn trên ta có thể tiến hành rút gọn một lần để phân số đó trở thành phân số tối giản.

Xét 2 lần chia mỗi lần chia cả tử số và mẫu số cho 2, cả 2 lần chia đã giảm tử số và mẫu số đi : $2 \times 2 = 4$ (lần).

Vậy ta thấy cả tử số và mẫu số của phân số $\frac{12}{8}$ đều chia hết cho 4 (số chia lớn nhất của 2 số)

Tiến hành rút gọn: $\frac{12}{8} = \frac{12 : 4}{8 : 4} = \frac{3}{2}$ ($\frac{3}{2}$ là phân số rút gọn của phân số $\frac{12}{8}$, đây là phân số tối giản)

Ví dụ: $\frac{15}{5} = \frac{15 : 5}{5 : 5} = \frac{3}{1}$. Yêu cầu học sinh dựa vào dấu hiệu chia hết cho 5

và bảng chia 5 để rút gọn phân số $\frac{15}{5} = \frac{15 : 5}{5 : 5} = \frac{3}{1} = 3$. Từ đó cho thấy, nếu học sinh nắm được kiến thức cần ghi nhớ và biết kết hợp với một số kinh nghiệm làm bài thì sẽ khắc phục được những lỗi mà học sinh hay mắc phải ở trên.

4.2. Giải pháp 2: Giúp học sinh so sánh phân số với phân số, phân số với số tự nhiên

- Ở phần này các em thường mắc phải những lỗi như sau:

Ví dụ: So sánh các phân số sau:

a) $\frac{1}{2}$ và $\frac{2}{5}$ Học sinh làm sai: $\frac{1}{2} < \frac{2}{5}$

b) 1 và $\frac{3}{4}$ Học sinh thường làm: $1 < \frac{3}{4}$

c) $\frac{7}{9}$ và $\frac{7}{8}$: Học sinh thường quy đồng rồi mới so sánh rất lâu và dẫn đến được phân số mới rất lớn, thậm chí còn quy đồng sai.

*** Nguyên nhân**

Do các em chủ quan cứ thấy phân số nào có các chữ số lớn hơn là các em cho rằng phân số đó lớn hơn.

Do các em chưa nắm chắc quy tắc so sánh phân số với 1, không chú ý đến tử số và mẫu số của phân số. (tử số lớn hơn mẫu số thì phân số đó lớn hơn 1 và ngược lại tử số bé hơn mẫu số thì phân số đó bé hơn 1) mà các em thường nhầm là phân số có các chữ số lớn hơn thì phân số đó lớn hơn 1.

Các em chưa nắm chắc quy tắc so sánh hai phân số có cùng tử số là (phân số nào có tử số bé hơn thì phân số đó lớn hơn và ngược lại) mà các em lại nhầm như so sánh hai phân số có cùng mẫu số.

*** Cách khắc phục**

- Trong khi dạy học giáo viên cần nhấn mạnh cho các em thấy được tất cả các số tự nhiên đều có thể viết được dưới dạng phân số có mẫu số là 1.

- Giáo viên cần chỉ rõ muốn so sánh hai phân số khác mẫu số thì phải quy đồng mẫu số rồi mới so sánh hai phân cùng mẫu, từ đó kết luận phân số nào lớn hơn, phân số nào bé hơn.

- Giáo viên cần cho học sinh nắm chắc lưu ý: Phân số nào có tử số bé hơn mẫu số thì phân số đó bé hơn 1 và ngược lại.

- Đối với các phân số có các tử số bằng nhau thì các em so sánh các mẫu số: mẫu số của phân số nào lớn hơn thì phân số đó bé hơn và ngược lại.

* Cụ thể sau khi cho học sinh nắm vững các kiến thức so sánh nêu trên, học sinh sẽ làm được các phép tính đúng như sau:

- Muốn quy đồng mẫu số của hai phân số, ta nhân cả tử số và mẫu số của phân số thứ nhất với mẫu số của phân số thứ hai. Nhân cả tử và mẫu của phân số thứ hai với mẫu số của phân số thứ nhất.

- Quy đồng tử số: Nhân cả mẫu số và tử số của phân số thứ nhất với tử số của phân số thứ hai. Nhân cả mẫu số và tử số của phân số thứ hai với tử số của phân số thứ nhất.

- Khi so sánh hai phân số:

+ Có cùng mẫu số: Ta so sánh hai tử số, phân số nào có tử số lớn hơn thì phân số đó lớn hơn, phân số nào có tử số bé hơn thì phân số đó bé hơn.

+ Có cùng tử số: Ta so sánh hai mẫu số, phân số nào có mẫu số lớn hơn thì phân số đó bé, phân số nào có mẫu số bé hơn thì phân số đó lớn hơn.

+ Hai phân số không có cùng mẫu hoặc không cùng tử số: Trước hết ta quy đồng mẫu số hoặc tử số rồi so sánh như trường hợp trên.

- Các phương pháp sử dụng so sánh phân số:

+ So sánh qua một phân số trung gian (so sánh bắc cầu)

$$\frac{a}{b} < \frac{c}{d} \text{ và } \frac{c}{d} < \frac{e}{f} \text{ thì } \frac{a}{b} < \frac{e}{f}$$

+ So sánh hai phần bù với 1 của mỗi phân số

$1 - \frac{c}{d} < 1 - \frac{a}{b}$ thì $\frac{a}{b} > \frac{c}{d}$ (Phân số nào có phần bù bé hơn thì phân số đó lớn hơn, phân số nào có phần bù lớn hơn thì phân số đó bé hơn).

+ So sánh “phần hơn” với 1 của một phân số

$\frac{a}{b} - 1 < \frac{c}{d} - 1$ thì $\frac{a}{b} < \frac{c}{d}$ (Phân số nào có phần hơn lớn hơn thì phân số đó lớn hơn, phân số nào có phần hơn bé hơn thì phân số đó bé hơn).

+ So sánh với phân số $\frac{1}{2}$ (Với phân số có tử số bé hơn mẫu số)

$\frac{a}{b} > \frac{c}{d} = \frac{1}{2}$ và $\frac{m}{n} < \frac{e}{f} = \frac{1}{2}$ thì $\frac{a}{b} > \frac{m}{n}$ (Phân số nào bé hơn $\frac{1}{2}$ thì phân số đó bé hơn, phân số nào lớn hơn $\frac{1}{2}$ thì phân số đó lớn hơn).

- Từ đó học sinh có thể làm được kết quả sau:

a) So sánh hai phân số $\frac{1}{2}$ và $\frac{2}{5}$

Quy đồng mẫu số các phân số: $\frac{1}{2} = \frac{1 \times 5}{2 \times 5} = \frac{5}{10}$; $\frac{2}{5} = \frac{2 \times 2}{5 \times 2} = \frac{4}{10}$

$$\text{Vì } \frac{5}{10} > \frac{4}{10} \text{ nên } \frac{1}{2} > \frac{2}{5}$$

b) So sánh 1 và $\frac{3}{4}$ Vì Tử số 3 bé hơn mẫu số 4 nên $1 > \frac{3}{4}$.

c) So sánh hai phân số $\frac{7}{9}$ và $\frac{7}{8}$: Vì tử số hai phân số bằng nhau mà mẫu số của phân số thứ nhất lớn hơn mẫu số của phân số thứ hai ($9 > 8$) nên $\frac{7}{9} < \frac{7}{8}$

Như vậy: Việc so sánh phân số góp phần quan trọng trong việc thực hiện các phép tính của phân số. Vì vậy mà giáo viên cần giúp các em nắm vững kiến

thức để các em thực hiện các phép tính về phân số được tốt hơn.

4.3. Giải pháp 3: *Giúp học sinh thực hiện bốn phép tính về phân số*

a. *Phép cộng đối với phân số, số tự nhiên và ngược lại.*

- Khi dạy nội dung này tôi thấy các em thường mắc những lỗi sau:

Ví dụ: a) Tính: $\frac{1}{5} + \frac{2}{5}$ Học sinh còn làm sai: $\frac{1}{5} + \frac{2}{5} = \frac{1+2}{5+5} = \frac{3}{10}$

b) Tính: $\frac{3}{8} + \frac{5}{16}$ Học sinh còn làm sai: $\frac{3}{8} + \frac{5}{16} = \frac{3+5}{8+16} = \frac{8}{24} = \frac{1}{3}$

hoặc $\frac{3}{8} + \frac{5}{16} = \frac{6}{16} + \frac{5}{16} = \frac{11}{32}$

c) Tính: $5 + \frac{6}{7}$ Học sinh còn làm sai: $5 + \frac{6}{7} = \frac{5}{1} + \frac{6}{7} = \frac{5+6}{1+7} = \frac{11}{8}$

hoặc $5 + \frac{6}{7} = \frac{5}{7} + \frac{6}{7} = \frac{11}{7}$

Với những kết quả của các ví dụ trên học sinh làm đều sai. Do học sinh nắm kiến thức bài học chưa tốt hoặc do nhầm lẫn các phép tính trong phân số. Sau khi học xong một phép tính các em đều thực hiện tốt, nhưng sau khi học xong cả 4 phép tính thì kiến thức của các em rất dễ nhầm lẫn.

* *Nguyên nhân*

- Do các em chưa nắm chắc được quy tắc cộng hai PS cùng mẫu số và khác mẫu số. Các em đã nhầm lẫn với phép nhân hai PS. Đặc biệt với PS khác mẫu số các em đã đưa về PS cùng mẫu sau đó các em lại lấy tử cộng tử, mẫu cộng mẫu.

- Do các em không nắm vững (mọi số tự nhiên đều có thể viết dưới dạng phân số có mẫu số khác 0). Từ đó các em không vận dụng được cách cộng hai phân số. Vì vậy các em không chuyển đổi số tự nhiên về phân số để tính.

* *Cách khắc phục*

- Trong khi dạy học bài mới, GV cần chú ý khắc sâu kiến thức cơ bản. Yêu cầu học sinh nắm chắc quy tắc, hiểu bản chất quy tắc cộng hai phân số cùng mẫu và khác mẫu.

- Rèn kỹ năng giải bài tập qua việc chú ý đưa ra những “bẫy” sai lầm mà học sinh thường mắc phải. Cho học sinh thực hiện sau đó giáo viên phân tích kỹ nguyên nhân sai lầm của các em để kịp thời uốn nắn, sửa chữa.

- Rèn kỹ năng nhớ quy tắc bằng cách cho học sinh thông qua ví dụ để trình bày quy tắc, tránh tình trạng nhớ máy móc. Cụ thể:

Muốn cộng hai phân số có cùng mẫu số, ta cộng hai tử số với nhau và giữ nguyên mẫu số. $\frac{a}{b} + \frac{c}{b} = \frac{a+c}{b}$

Muốn cộng hai phân số khác mẫu số, ta quy đồng mẫu số hai phân số rồi

cộng hai phân số đó. $\frac{a}{b} + \frac{c}{d} = \frac{a \times d}{b \times d} + \frac{c \times b}{d \times b}$

+ Cách giải :

Đối với ví dụ a: $\frac{1}{5} + \frac{2}{5} = \frac{1+2}{5} = \frac{3}{5}$ (Cộng tử số với tử số, mẫu số giữ nguyên)

Đối với ví dụ b: Có thể giải một trong hai cách.

Cách 1 : $\frac{3}{8} + \frac{5}{16} = \frac{48}{128} + \frac{40}{128} = \frac{88}{128}$ (Quy đồng mẫu số các phân số)

Sau đó rút gọn: $\frac{88}{128} = \frac{11}{16}$. Vậy: $\frac{3}{8} + \frac{5}{16} = \frac{48}{128} + \frac{40}{128} = \frac{88}{128} = \frac{11}{16}$

Cách 2: $\frac{3}{8} + \frac{5}{16}$ Vì $16 : 8 = 2$ nên $\frac{3}{8} = \frac{6}{16}$ Do đó $\frac{3}{8} + \frac{5}{16} = \frac{6}{16} + \frac{5}{16} = \frac{11}{16}$

Giáo viên cần lưu ý cho học sinh khi làm cách 2: Nếu hai mẫu số của hai phân số chia hết cho nhau ta chỉ việc quy đồng phân số có mẫu số bé với mẫu số chung là mẫu số của phân số có mẫu số lớn.

Đối với ví dụ c:

Trong khi dạy phần lí thuyết, giáo viên cần khắc sâu phần chú ý cộng hai phân số ở sách giáo khoa cho học sinh. Chỉ ra chỗ sai và kịp thời uốn nắn, áp dụng làm bài tập tương tự.

Với ví dụ này, ta viết số tự nhiên thành phân số có mẫu số bằng mẫu số của phân số đã cho. ($5 = \frac{35}{7}$) do đó: $5 + \frac{6}{7} = \frac{35}{7} + \frac{6}{7} = \frac{41}{7}$

Như vậy trong phép cộng giáo viên cần chú ý cho học sinh nắm vững kiến thức cộng phân số, cách chuyển đổi số tự nhiên về phân số sau đó thực hiện cộng hai phân số như trên.

b. Phép trừ phân số với phân số, số tự nhiên và ngược lại

- Khi dạy nội dung này học sinh hay mắc phải những sai lầm như phép cộng, ngoài ra các em còn mắc phải một số sai lầm như sau:

Ví dụ 1: Tính: $\frac{1}{4} - \frac{1}{6}$ Một số học sinh làm : $\frac{1}{4} - \frac{1}{6} = \frac{1-1}{4-6} = \frac{0}{2} = 0$;

Một số thì cho rằng phép tính không thực hiện được vì : $\frac{1}{4} < \frac{1}{6}$

Ví dụ 2: Tính: $2 - \frac{3}{2}$ Một số học sinh làm: $2 - \frac{3}{2} = \frac{2}{1} - \frac{3}{2}$ không thực

hiện được vì: $\frac{2}{1} < \frac{3}{2}$

*** Nguyên nhân**

- Do các em không nắm vững biện pháp so sánh hai phân số, cách trừ hai

phân số, cách chuyển số tự nhiên về phân số .

- Do các em còn cầu thả trong tính toán.

* **Cách khắc phục.** (tương tự như phép cộng)

Muốn trừ hai phân số có cùng mẫu số, ta trừ hai tử số với nhau và giữ

nguyên mẫu số. $\frac{a}{b} - \frac{c}{d} = \frac{a - c}{b}$

Muốn trừ hai phân số khác mẫu số, ta quy đồng mẫu số hai phân số, rồi trừ hai phân số đó. $\frac{a}{b} - \frac{c}{d} = \frac{a \times d}{b \times d} - \frac{c \times b}{d \times b}$

Đối với ví dụ 1: Yêu cầu học sinh nắm vững quy tắc trừ hai phân số đồng thời chỉ ra chỗ sai cho học sinh thấy, rồi cho các em làm các bài tập tương tự.

Đối với ví dụ 1: Tính: $\frac{1}{4} - \frac{1}{6}$

Quy đồng mẫu số các phân số $\frac{1}{4} = \frac{1 \times 6}{4 \times 6} = \frac{6}{24}$; $\frac{1}{6} = \frac{1 \times 4}{6 \times 4} = \frac{4}{24}$

Vậy: $\frac{1}{4} - \frac{1}{6} = \frac{6}{24} - \frac{4}{24} = \frac{2}{24} = \frac{1}{12}$

Với ví dụ này cần tìm mẫu số chung nhỏ nhất (tức là đi tìm một số nhỏ nhất mà chia hết cho cả 4 và 6) số đó là 12.

Ta có $\frac{1}{4} - \frac{1}{6}$. MSC = 12 vì: $12 : 4 = 3$ nên $\frac{1}{4} = \frac{1 \times 3}{4 \times 3} = \frac{3}{12}$

$12 : 6 = 2$ nên $\frac{1}{6} = \frac{1 \times 2}{6 \times 2} = \frac{2}{12}$

Do đó: $\frac{1}{4} - \frac{1}{6} = \frac{3}{12} - \frac{2}{12} = \frac{1}{12}$

Đối với ví dụ 2: Do các em chưa nắm vững cách chuyển số tự nhiên về phân số (ví dụ: $2 = \frac{2}{1} = \frac{4}{2} \dots$) chọn phân số nào có cùng mẫu số với phân số đã cho. Đối với phép trừ phân số cho số tự nhiên cũng vậy.

Trong trường hợp này: $2 - \frac{3}{2} = \frac{4}{2} - \frac{3}{2} = \frac{1}{2}$

Như vậy đối với phép trừ cần hướng dẫn cho học sinh nắm vững cách so sánh hai phân số để tránh nhầm lẫn (Số bị trừ < Số trừ). Đặc biệt các bài toán có lời văn. Khi học xong phép cộng và phép trừ thì hướng dẫn các em sử dụng phương pháp thử lại để kiểm tra kết quả bài làm

(Ví dụ: $\frac{1}{4} - \frac{1}{6} = \frac{1}{12}$ Thử lại: $\frac{1}{12} + \frac{1}{6} = \frac{1}{4}$ Thì là kết quả đúng)

c. **Phép nhân phân số với phân số, phân số với số tự nhiên và ngược lại**

- Với phép nhân thì các em ít mắc sai lầm song có một số dạng đặc biệt và

một số ít học sinh mắc phải.

- Khi dạy phần này tôi thấy học sinh vẫn mắc phải lỗi sau:

Ví dụ 1: Tính $\frac{2}{5} \times \frac{3}{5}$ có học sinh làm $\frac{2}{5} \times \frac{3}{5} = \frac{6}{5}$ (nhầm với phép cộng)

Ví dụ 2: Tính $3 \times \frac{4}{7}$ có học sinh làm $3 \times \frac{4}{7} = \frac{12}{21}$ (nhân số tự nhiên với

cả tử số và mẫu số của phân số) hoặc $3 \times \frac{4}{7} = \frac{21}{7} \times \frac{4}{7} = \frac{21 \times 7}{7 \times 4} = \frac{147}{28}$ (Đưa số tự nhiên về dạng phân số có mẫu số bằng mẫu số của phân số đã cho, rồi thực hiện phép nhân với phân số đảo ngược)

* Nguyên nhân

- Sự sai lầm thường rơi vào tiết Luyện tập. Do học sinh nắm quy tắc nhân Phân số chưa thật chắc đã nhầm như phép cộng hai phân số cùng mẫu số.

- Trong ví dụ 2 ngoài việc không nắm được quy tắc nhân thì các em còn không nắm được số tự nhiên là phân số đặc biệt có mẫu số là 1. Một số em thì nhầm phép nhân như phép chia.

* Cách khắc phục

- Trước khi làm phần bài tập (Luyện tập), cần yêu cầu học sinh nhắc lại quy tắc và một số chú ý trong sách giáo khoa có liên quan đến kiến thức bài học.

- Trong khi thực hành mẫu, giáo viên cần thực hiện từng bước một rõ ràng, cụ thể không thể làm làm tắt. Để khi thực hiện những học sinh yếu nắm được cách làm. Yêu cầu học sinh phân biệt rõ phần chú ý của phép cộng số tự nhiên với phân số và quy tắc nhân phân số ...Giáo viên cần chỉ rõ bản chất của từng quy tắc đối với mỗi phép tính đồng thời chỉ ra những sai lầm cho các em khắc phục và tránh.

Muốn nhân hai phân số, ta lấy tử số nhân với tử số, mẫu số nhân với mẫu số, chẳng hạn $\frac{a}{b} \times \frac{c}{d} = \frac{a \times c}{b \times d}$

Trong ví dụ 1: $\frac{2}{5} \times \frac{3}{5} = \frac{2 \times 3}{5 \times 5} = \frac{6}{25}$ (nhân tử với tử, mẫu với mẫu)

Với ví dụ 2: $3 \times \frac{4}{7}$ (vì $3 = \frac{3}{1}$) nên $3 \times \frac{4}{7} = \frac{3}{1} \times \frac{4}{7} = \frac{12}{7}$

Hoặc: $3 \times \frac{4}{7} = \frac{21}{7} \times \frac{4}{7} = \frac{84}{49} = \frac{12}{7}$

Đối với nhân số tự nhiên với phân số hoặc ngược lại thì ta chỉ việc nhân số tự nhiên với tử số của phân số và giữ nguyên mẫu số.

d. Phép chia phân số với phân số, số tự nhiên và ngược lại

- Khi dạy nội dung này tôi thấy học sinh còn dễ sai lầm giữa phép nhân và

phép chia, đến phần này các em lúng túng không biết làm như thế nào.

Ví dụ 1: Tính: $\frac{3}{7} : \frac{5}{8}$ Học sinh làm sai: $\frac{3}{7} : \frac{5}{8} = \frac{3 \times 5}{7 \times 8} = \frac{15}{56}$
 $\frac{3}{7} : \frac{5}{8} = \frac{5 \times 7}{8 \times 3} = \frac{35}{24}$

Ví dụ 2: Tính: $\frac{3}{4} : 2$ Học sinh làm sai: $\frac{3}{4} : 2 = \frac{3 \times 2}{4} = \frac{6}{4}$

*** Nguyên nhân.**

- Phép chia hai phân số khó hơn các phép tính đã học trước đó vì nó vừa áp dụng quy tắc chia vừa phải vận dụng kiến thức của phép nhân hai phân số đã học, đặc biệt là việc đảo ngược phân số thứ hai.

- Các em sai lầm do không nắm được quy tắc nhân, chia phân số do đó nhầm lẫn giữa phép nhân và phép chia. Đối với số tự nhiên cũng gặp sự sai lầm tương tự.

- Mặt khác các em lại thấy các yếu tố có quan hệ rút gọn nên các em đã rút gọn một cách tự nhiên. Chứng tỏ các em chưa nắm chắc bản chất của phép toán.

*** Cách pháp khắc phục**

- Đối với ví dụ 1: Yêu cầu các em cần phân biệt rõ quy tắc nhân và chia. Giáo viên cần chỉ rõ chỗ sai lầm, khi làm mẫu cần làm đủ các bước không nên làm tắt.

Muốn chia một phân số cho một phân số, ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số thứ hai đảo ngược. $\frac{a}{b} : \frac{c}{d} = \frac{a}{b} \times \frac{d}{c} = \frac{a \times d}{b \times c}$

Cụ thể: $\frac{3}{7} : \frac{5}{8} = \frac{3}{7} \times \frac{8}{5} = \frac{3 \times 8}{7 \times 5} = \frac{24}{35}$ (nhân phân số thứ nhất với phân số hai đảo ngược).

- Đối với ví dụ thứ 2: Giáo viên lại phải khắc sâu một lần nữa (số tự nhiên là phân số đặc biệt) sau đó hướng dẫn cách làm:

Hoặc: $\frac{3}{4} : 2 = \frac{3}{4} : \frac{2}{1} = \frac{3}{4} \times \frac{1}{2} = \frac{3}{8}$ hay $\frac{3}{4} : 2 = \frac{3}{4 \times 2} = \frac{3}{8}$ (Chia phân số cho số tự nhiên ta chỉ việc giữ nguyên tử số và lấy mẫu số nhân với số tự nhiên đó)

Ngoài việc thực hiện đúng ra thì giáo viên cần hướng dẫn các em dùng phép thử lại để kiểm tra kết quả của mình.)

Ví dụ: $\frac{3}{4} : 2 = \frac{3}{8}$ Thử lại $\frac{3}{8} \times 2 = \frac{6}{8} = \frac{3}{4}$ Thì kết quả làm đúng

* Sau khi dạy xong bốn phép tính đối với phân số và qua các ví dụ sai lầm cụ thể của học sinh giáo viên cần lưu ý:

+ Đưa ra các ví dụ, các bài tập tổng quát, sử dụng biện pháp trắc nghiệm để các em hiểu rõ hơn về bản chất của bốn phép tính mà các em đã học.

+ Sau khi học phép trừ và phép chia giáo viên hướng dẫn các em dùng phép thử lại để kiểm tra kết quả.

+ Khi dạy giáo viên cần thực hiện đúng các bước của bài toán để các em học yếu có thể thực hiện được.

* GV dùng biện pháp trắc nghiệm tổng quát để kiểm tra kết quả của HS.

Ví dụ cho $\frac{a}{b}$; $\frac{c}{b}$; $\frac{c}{d}$ (với $b \neq 0$; $d \neq 0$). Hãy đánh dấu (x) vào những phép tính đúng.

$$\frac{a}{b} + \frac{c}{d} = \frac{a+c}{b+d}$$

☐

$$\frac{a}{b} + \frac{c}{b} = \frac{a+c}{b}$$

☐

$$\frac{a}{b} + \frac{c}{d} = \frac{a \times d}{b \times d} + \frac{c \times b}{d \times b}$$

☐

$$\frac{a}{b} + \frac{c}{b} = \frac{a+c}{b+b}$$

☐

$$\frac{a}{b} - \frac{c}{d} = \frac{a \times d}{b \times d} - \frac{c \times b}{d \times b}$$

☐

$$\frac{a}{b} - \frac{c}{b} = \frac{a-c}{b}$$

☐

$$\frac{a}{b} - \frac{c}{d} = \frac{a-c}{b-d}$$

☐

$$\frac{a}{b} - \frac{c}{b} = \frac{a-c}{b-b}$$

☐

$$\frac{a}{b} \times \frac{c}{d} = \frac{a \times c}{b \times d}$$

☐

$$\frac{a}{b} \times \frac{c}{b} = \frac{a \times c}{b}$$

☐

$$\frac{a}{b} : \frac{c}{d} = \frac{c \times b}{d \times a}$$

☐

$$\frac{a}{b} : \frac{c}{d} = \frac{a \times d}{b \times c}$$

☐

Thông qua phần trắc nghiệm giáo viên thấy được lỗi cơ bản của học sinh lớp mình để khắc phục. Chỉ rõ từng thành phần của phép toán, phép tính cho các em thấy được sai lầm và hướng sửa chữa.

Ngoài các tiết học theo phân phối chương trình, giáo viên còn tổ chức rèn cho học sinh giải bài tập toán về phân số mỗi tuần 2- 3 tiết. Nội dung các bài tập ở sách Cùng em học Toán 4, Phiếu bài tập cuối tuần. Đối với học sinh giỏi, khá giáo viên chỉ gợi ý bài toán khó, kiểm tra sát để kịp thời sửa chữa chỗ sai, đồng thời giải thích và chỉ rõ chỗ học sinh còn mắc phải. Đối với học sinh trung bình, yếu giáo viên tổ chức cho học sinh giải lượng bài tập ít hơn và nội dung phù hợp với trình độ của học sinh, giáo viên theo dõi gợi ý, giúp học sinh nhiều hơn, sửa chữa điều chỉnh chỗ sai kịp thời, giải thích cho học sinh nắm được kiên thức.

5. Hiệu quả của các giải pháp trong thực tiễn giảng dạy Toán phân

phân số lớp 4

Sau hai năm nghiên cứu và thực nghiệm dạy các dạng toán liên quan đến phân số cho học sinh, kết quả cho thấy:

- Các kiến thức về phân số học sinh được củng cố vững chắc hơn. Các em hiểu kiến thức về phân số một cách có hệ thống, từ đó vận dụng vào từng dạng bài tập một cách dễ dàng và giải được các bài tập khó mà không ngại, không sợ.
- Kỹ năng giải các bài toán được hình thành qua nhiều bài luyện tập như tìm hiểu bài toán, phân tích các dữ kiện đầu bài, lập kế hoạch giải toán và trình bày lời giải nhanh hơn, khoa học hơn.
- Khả năng lập luận, diễn đạt trong việc giải toán chặt chẽ hơn, logic hơn.
- Ngoài ra các em còn rất hứng thú và yêu thích học toán, nhất là các bài toán về phân số, nhiều em có kỹ năng, kỹ xảo giải toán tốt.
- Các em đã tự tin tham gia các vòng thi Violimpic Toán cấp huyện, cấp tỉnh / Thành phố mà không còn e dè, ngại ngùng, sợ hãi nữa.

Kinh nghiệm được rút ra từ thực tế dạy học, năm học 2020 – 2021 tôi đã chú ý vận dụng các biện pháp trên một cách hợp lý và hiệu quả. Sau khi kết thúc phần phân số tôi đã tổ chức khảo sát trên hai lớp: Lớp chủ nhiệm 42 học sinh (lớp thực nghiệm) và lớp của đồng nghiệp 42 học sinh (lớp đối chứng) đã cho kết quả rất khả quan. Cụ thể là:

TT	Lớp	Tổng số học sinh	Mức đạt được					
			HTT		HT		CHT	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	Lớp chủ nhiệm (Lớp thực nghiệm)	42	32	76,2	10	23,8	0	0
2	Lớp đồng nghiệp (Lớp đối chứng)	42	21	50,0	20	47,6	1	2,4

Qua kết quả khảo sát cho thấy học sinh lớp tôi chủ nhiệm nắm vững kiến thức và kết quả cao hơn so với lớp đối chứng. Từ đó cho thấy việc vận dụng các giải pháp trên có thể tạo điều kiện cho nhiều đối tượng học sinh tham gia giải toán mà không ngần ngại. Đây cũng là một trong những vấn đề khuyến khích tôi hứng thú dạy toán hơn, nhất là phân phân số lớp 4.

III. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Muốn truyền đạt cho học sinh nắm được cách giải các bài toán về phân số, người giáo viên phải nghiên cứu, đọc nhiều tài liệu, sách tham khảo để tìm ra các dạng bài tập theo nội dung kiến thức khác nhau một cách cụ thể. Sau đó sắp xếp các bài đó theo hệ thống từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp.

Dạy các bài tập về phân số đòi hỏi học sinh phải huy động phối hợp nhiều nội dung kiến thức khác về môn toán như các dạng toán cơ bản, các tính chất của phép tính.... Để học sinh dễ hiểu, dễ nhớ giáo viên phải phối hợp nhiều phương pháp trong giảng dạy, đặc biệt coi trọng việc phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh. Người giáo viên chỉ là người gợi mở dẫn dắt để học sinh tự tìm ra cách giải. Dạy cho học sinh cách quan sát, phân tích các dữ kiện của đầu bài, tìm hiểu mối liên hệ giữa các dữ kiện, suy luận logic để bài làm, giải toán chặt chẽ.

Với đặc điểm nhận thức của học sinh Tiểu học dễ nhớ, nhanh quên, tư duy trực quan, do đó giáo viên cần cho học sinh được luyện tập nhiều, các bài cần có hệ thống, bài trước làm cơ sở hướng tính, hướng giải cho bài sau, các bài tập cần được nâng khó dần.

Trong quá trình dạy cần quan tâm đến chấm và chữa bài cho học sinh để xem bài làm của học sinh đã chính xác chưa, chỗ nào cần sửa hoặc bổ sung.

Từ những kết quả đã đạt được ở trên, tôi tự rút ra được một số bài học kinh nghiệm như sau:

- Bản thân tôi luôn không ngừng tự học, tự bồi dưỡng để trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ.
- Tăng cường dự giờ thăm lớp để học hỏi, đúc rút kinh nghiệm cho mình.
- Luôn biết tranh thủ sự giúp đỡ của đồng nghiệp trong tổ, khối nói riêng, của các giáo viên trong toàn trường nói chung và đặc biệt là của Ban giám hiệu nhà trường.
- Nghiên cứu kỹ nội dung chương trình môn Toán của lớp 4 nói riêng và của cả bậc học nói chung để có phương pháp dạy phù hợp, đạt hiệu quả.
- Bản thân giáo viên phải yêu nghề, luôn tận tâm, tận tụy hết lòng vì học sinh thân yêu, thực sự là người mẹ thứ hai của học sinh ở trên lớp.
- Tích cực, tự tin trong việc thực hiện việc đổi mới các phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng giảng dạy ở tất cả các bộ môn.

2. Khuyến nghị

Hiện nay việc dạy học môn Toán nói chung, dạy các dạng toán về phân số cho học sinh lớp 4 nói riêng đang là một việc khó đối với giáo viên, nhất là về

mặt phương pháp giảng dạy. Vì vậy tôi xin mạnh dạn đề xuất một số ý kiến sau:

a. Đối với giáo viên

- Là tấm gương đạo đức không ngừng học tập và sáng tạo, tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Soạn bài một cách chu đáo, kĩ lưỡng, chuẩn bị nội dung các câu hỏi sao cho logic và có hệ thống nhằm dẫn dắt phù hợp đúng trình tự của bài dạy.
- Biết phối hợp các hình thức, phương pháp dạy học một cách linh hoạt nhằm gây hứng thú và phát huy năng lực của học sinh.

b. Đối với nhà trường

- Thường xuyên tổ chức chuyên đề liên quan đến mạch kiến thức về phân số để giáo viên được hỏi, rút kinh nghiệm.

c. Đối với các cấp lãnh đạo

Thường xuyên mở các chuyên đề về dạy toán đặc biệt là chuyên đề dạy các dạng toán về phân số cho học sinh lớp 4 để giáo viên được đi dự giờ, tham khảo, học hỏi kinh nghiệm.

Trên đây là một số kinh nghiệm mà tôi đã thực hiện trong thực tế giảng dạy môn Toán lớp 4 ở trường Tiểu học Kiều Ky mà tôi thấy rất hiệu quả. Điều đó đã góp phần nâng cao chất lượng môn toán của lớp tôi chủ nhiệm nói riêng và chất lượng giáo dục của nhà trường nói chung. Tuy nhiên đây cũng chỉ là một số kinh nghiệm nhỏ của bản thân tôi trong việc dạy học môn Toán ở nhà trường.

Để nâng cao chất lượng dạy học môn Toán, tôi rất mong nhận được sự góp ý chân thành của các cấp lãnh đạo và bạn bè đồng nghiệp để sáng kiến kinh nghiệm của tôi có tính khả thi cao hơn và giúp tôi tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Tôi xin chân thành cảm !

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2022

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PHỤ LỤC

***Thực trạng trước khi thực hiện sáng kiến**

TT	Phần kiến thức	Tổng số học sinh	Mức đạt được					
			HTT		HT		CHT	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	Rút gọn phân số	42	17	40,5	24	57,1	1	2,4
2	So sánh phân số	42	19	45,2	22	52,4	1	2,4
3	Thực hiện bốn phép tính về phân số	42	19	45,2	22	52,4	1	2,4

***Thực trạng sau khi thực hiện sáng kiến**

TT	Phần kiến thức	Tổng số học sinh	Mức đạt được					
			HTT		HT		CHT	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	Rút gọn phân số	42	29	69,0	13	31,0	0	0
2	So sánh phân số	42	32	76,2	10	23,8	0	0
3	Thực hiện bốn phép tính về phân số	42	31	73,8	11	26,2	0	0

2. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tên tài liệu	Tác giả
Sách giáo khoa Toán 4	Đỗ Đình Hoan (chủ biên) Nhà xuất bản Giáo dục
Sách giáo viên Toán 4	Đỗ Đình Hoan (chủ biên) Nhà xuất bản Giáo dục
Các phương pháp dạy học môn Toán ở Tiểu học.	Đỗ Trung Hiệu – Đỗ Đình Hoan Vũ Dương Thụy – Vũ Quốc Chung
10 chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi Toán 4, 5	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
Các bài tập về phân số và tỉ số lớp 4,5	Tác giả Đỗ Trung Thông- Nhà xuất bản Giáo dục.
Toán chọn lọc Tiểu học tập 2	Trần Phương Nguyễn Đức Tấn Phạm Xuân Tiến
Bài tập bổ trợ và nâng cao Toán 4 tập 2	Đỗ Trung Hiệu Vũ Văn Dương Đỗ Trung Kiên

